

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

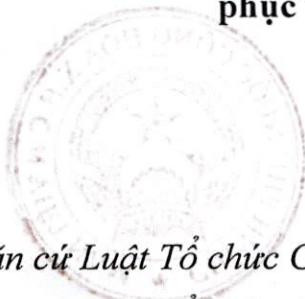
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 214/NQ-CP

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện



CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 02/KH-BCĐTW ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về việc phê duyệt Kế hoạch thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị quyết số 162/NQ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc sửa đổi, bổ sung cập nhật chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Trên cơ sở kết quả biểu quyết của các Thành viên Chính phủ.

QUYẾT NGHỊ:

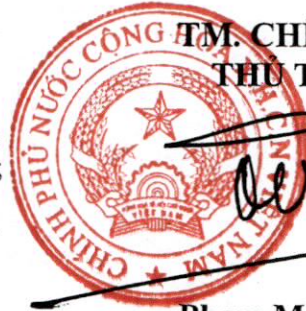
Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Kế hoạch hành động của Chính phủ thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện trong hệ thống chính trị.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng các bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KSTT (2b). ~~70~~



**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính



CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ

Về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện

(Kèm theo Nghị quyết số 214 /NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ)

I. MỤC TIÊU

1. Xây dựng và triển khai đồng bộ kiến trúc hệ thống, nền tảng dùng chung trong toàn bộ hệ thống chính trị, xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương, bảo đảm kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu thông suốt giữa Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan Đảng, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội, bảo đảm đồng bộ, thống nhất toàn hệ thống chính trị, thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị.

2. Phân đầu 100% các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được rà soát, đánh giá, tiếp tục xây dựng, bổ sung và chuẩn hóa toàn diện theo tiêu chuẩn chung, bảo đảm bao quát tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước, khả năng liên thông, kết nối, chia sẻ, tích hợp; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và cải cách thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu, đáp ứng yêu cầu thiết thực của người dân, doanh nghiệp.

3. Tập trung xây dựng, kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các Trung tâm điều hành thông minh phục vụ chỉ đạo điều hành các cấp.

II. YÊU CẦU

1. Triển khai xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo đảm đồng bộ, thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

2. Các thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phải được duy trì đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung; đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật bảo đảm liên thông dữ liệu.

3. Dữ liệu được kết nối, chia sẻ, thông suốt giữa các cơ quan Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội.

4. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương với kết quả thực hiện và hệ thống tiêu chí cụ thể để đo lường, đánh giá hiệu quả triển khai nhiệm vụ xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, quản lý, sử dụng dữ liệu trong toàn hệ thống chính trị.

5. Bảo đảm tuyệt đối về an toàn thông tin, an ninh mạng trong quá trình tổ chức triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CỤ THỂ

1. Về hoàn thiện thể chế

a) Bộ Công an:

- Chủ trì tham mưu, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định về Kiến trúc dữ liệu quốc gia tổng thể, Khung quản trị, quản lý dữ liệu và Từ điển dữ liệu dùng chung phù hợp với yêu cầu phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước, hoàn thành trong tháng 8 năm 2025.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, nghiên cứu xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị theo trình tự, thủ tục rút gọn, áp dụng quy định khoản 2 Điều 32 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, hoàn thành trong tháng 8 năm 2025.

- Phối hợp với Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao rà soát, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành để công nhận đầy đủ giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu và chứng thư chữ ký số trong tố tụng và thực hiện một số thủ tục tố tụng điện tử theo quy định về giao dịch điện tử, hoàn thành trong tháng 9 năm 2025.

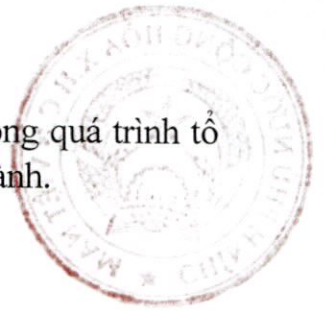
- Chủ trì, phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ rà soát, hoàn thiện hành lang pháp lý bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu, hoàn thành trong tháng 10 năm 2025.

b) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, ban hành Khung Kiến trúc tổng thể quốc gia số, trong đó bảo đảm tính kết nối, đồng bộ, liên thông giữa các khối cơ quan (Đảng, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội), phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp, hoàn thành trong tháng 8 năm 2025.

c) Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xác định rõ các hạng mục sử dụng ngân sách nhà nước và các hạng mục triển khai theo hình thức hợp tác công tư theo Nghị định số 180/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ để huy động ngay các tập đoàn, doanh nghiệp với các bộ, ngành xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hoàn thành trong tháng 7 năm 2025.

d) Các bộ, ngành:

- Hoàn thiện hành lang pháp lý về chuyển đổi số, dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và định danh điện tử thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ, ngành, hoàn thành trong năm 2025.



- Khẩn trương ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn để kết nối, chia sẻ các dữ liệu theo lĩnh vực quản lý; hoàn thiện các quy định về quản trị dữ liệu, chuẩn hóa dữ liệu đầu vào, cơ chế chia sẻ, kết nối liên thông dữ liệu thuộc phạm vi quản lý với Trung tâm dữ liệu quốc gia theo hướng dẫn của Bộ Công an, hoàn thành trong tháng 8 năm 2025.

- Phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ rà soát, sửa đổi các văn bản pháp luật chuyên ngành để công nhận đầy đủ giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu, hồ sơ điện tử và kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử để thay thế yêu cầu nộp bản giấy trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, hoàn thành trong tháng 9 năm 2025.

2. Về dữ liệu

a) Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành, địa phương (trừ Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ) rà soát toàn diện, đánh giá hiện trạng việc triển khai, xây dựng, khai thác, sử dụng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Dựa trên kết quả rà soát, đánh giá, đề xuất các bộ, ngành, địa phương xây dựng, cập nhật, bổ sung hệ thống cơ sở dữ liệu, bảo đảm đồng bộ về cấu trúc, tiêu chuẩn, trường thông tin, phục vụ kết nối liên thông trong toàn bộ hệ thống chính trị, đáp ứng mục tiêu xây dựng Chính phủ số, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, hoàn thành trong tháng 8 năm 2025.

b) Các bộ, ngành, địa phương:

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các tập đoàn, doanh nghiệp đồng hành (chi tiết tại Phụ lục III kèm theo) xây dựng và ban hành Chiến lược dữ liệu, Chiến lược chuyển đổi số của bộ, ngành, địa phương hoàn thành trong tháng 9 năm 2025. Trên cơ sở đó, xây dựng, cập nhật, hoàn thiện, chuẩn hóa hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành trong phạm vi quản lý, bảo đảm tuân thủ Khung Kiến trúc tổng thể quốc gia số, Kiến trúc dữ liệu quốc gia tổng thể, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung, hoàn thành trong năm 2025, trong đó:

+ Tiến hành rà soát, đánh giá toàn diện hệ thống cơ sở dữ liệu đã xây dựng, cơ sở dữ liệu đang xây dựng, cơ sở dữ liệu cần xây dựng mới, bảo đảm bao quát tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ, ngành, địa phương, hoàn thành trong tháng 7 năm 2025;

+ Đối với các cơ sở dữ liệu đã hoàn thành xây dựng, phải thực hiện đồng bộ thường xuyên, liên tục theo thời gian thực về Trung tâm dữ liệu quốc gia để đưa vào sử dụng ngay theo lộ trình xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia; đồng thời tổ chức các biện pháp thường xuyên cập nhật dữ liệu bảo đảm **“đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”**;

+ Đối với các cơ sở dữ liệu đang xây dựng, cần đẩy nhanh tiến độ, phối hợp với các tập đoàn, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, bảo đảm hoàn thành đúng thời hạn, đồng bộ về Trung tâm dữ liệu quốc gia theo quy định, hoàn thành theo lộ trình triển khai từng cơ sở dữ liệu;

+ Căn cứ kết quả rà soát, xác định các cơ sở dữ liệu cần xây dựng mới, phối hợp với các tập đoàn, doanh nghiệp đồng hành, cung cấp dịch vụ có phương án triển khai xây dựng cụ thể; ưu tiên hoàn thiện các cơ sở dữ liệu phục vụ trực tiếp công tác quản lý nhà nước, cải cách thủ tục hành chính phục vụ tốt hơn cho người dân, doanh nghiệp, hoàn thành trong năm 2026.

- Các bộ, ngành hướng dẫn, đôn đốc các địa phương rà soát, hoàn thiện, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu của địa phương trên các nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung, thống nhất của Trung ương theo Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, Kiến trúc dữ liệu quốc gia tổng thể, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung; thực hiện số hóa dữ liệu theo hướng dẫn, kiến trúc dữ liệu của các bộ, ngành, hoàn thành theo lộ trình.

- Triển khai số hóa theo hướng dẫn của Bộ Công an, Bộ Nội vụ, Văn phòng Chính phủ đối với các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành, chuẩn hóa, đồng bộ dữ liệu về Trung tâm dữ liệu quốc gia theo lộ trình xây dựng các cơ sở dữ liệu. Trong đó, ưu tiên triển khai hoàn thiện 11 cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành trọng yếu, trực tiếp phục vụ cải cách thủ tục hành chính, quyền lợi, nghĩa vụ thiết thực của người dân và doanh nghiệp, bảo đảm tập trung nguồn lực triển khai, hoàn thành trong năm 2025 (chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

c) Các địa phương rà soát, hoàn thiện, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu của địa phương trên các nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung, thống nhất của Trung ương theo hướng dẫn; ưu tiên số hóa, hoàn thiện các bộ dữ liệu phục vụ trực tiếp công tác cải cách thủ tục hành chính, chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, phù hợp với kiến trúc dữ liệu của các bộ, ngành, hoàn thành theo lộ trình xây dựng, triển khai của từng cơ sở dữ liệu.

d) Đề nghị các cơ quan Đảng, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp chặt chẽ với các cơ quan của Chính phủ trong quá trình xây dựng, triển khai các cơ sở dữ liệu, nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung bảo đảm phù hợp với Kiến trúc tổng thể quốc gia số, kiến trúc dữ liệu quốc gia và kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu thông suốt trong toàn bộ hệ thống chính trị, đáp ứng yêu cầu tại Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị.

3. Về nền tảng và hạ tầng

a) Bộ Khoa học và Công nghệ:

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan xây dựng Khung Kiến trúc tổng thể quốc gia số, trong đó bảo đảm tính kết nối, đồng bộ, liên thông giữa các khối cơ quan (Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội), phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp, hoàn thành trong tháng 8 năm 2025.

- Báo cáo, đề xuất Thủ tướng Chính phủ phương án nâng cấp, mở rộng Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước theo định hướng áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, mô hình quản lý tập trung, thống nhất toàn quốc, bảo đảm kết nối trực tiếp, thông suốt từ Trung ương đến địa phương, đáp ứng yêu cầu về bảo mật, an toàn thông tin, liên thông và đồng bộ, hoàn thành trong tháng 8 năm 2025.

- Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ quy định về bảo đảm liên thông, đồng bộ, bảo đảm bí mật nhà nước trong hoạt động chuyển đổi số của cả hệ thống chính trị, hoàn thành trong tháng 7 năm 2025.

b) Các bộ, ngành chủ trì xây dựng và cung cấp các nền tảng số quốc gia dùng chung, hệ thống thông tin quy mô quốc gia, bảo đảm phù hợp với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số. Các nền tảng này được triển khai thống nhất trong phạm vi toàn quốc nhằm phục vụ hiệu quả công tác chuyển đổi số quốc gia; đồng thời, bảo đảm khả năng kết nối, tích hợp, đồng bộ dữ liệu với các nền tảng số quốc gia dùng chung, hệ thống thông tin quy mô quốc gia khác, hoàn thành trong năm 2025.

c) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai, sử dụng thống nhất các nền tảng số quốc gia dùng chung, hệ thống thông tin quy mô quốc gia do các bộ, ngành cung cấp; hoàn thành tạo lập, cập nhật, chuẩn hóa, làm giàu và kết nối chia sẻ, đồng bộ dữ liệu vào các nền tảng số quốc gia dùng chung, hệ thống thông tin quy mô quốc gia trong tháng 12 năm 2025.

d) Các bộ, ngành, địa phương rà soát, đánh giá, nâng cấp, phát triển các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số dùng chung bảo đảm kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương, phục vụ công tác quản lý nhà nước và chỉ đạo, điều hành, hoàn thành trong năm 2025.

4. Về nguồn lực

a) Về kinh phí thực hiện:

- Bộ Khoa học và Công nghệ rà soát, tổng hợp dự toán kinh phí triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương; gửi Bộ Tài chính để cân đối, bố trí nguồn kinh phí thực hiện, bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan, hoàn thành trong tháng 7 năm 2025.

- Bộ Tài chính chịu trách nhiệm phân bổ kinh phí theo dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; chủ trì thẩm định và phê duyệt danh mục dự án đầu tư sử dụng ngân sách nhà nước và các dự án theo hình thức hợp tác công tư do Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp; đồng thời tham mưu Chính phủ ban hành cơ chế ưu tiên đặt hàng, chỉ định thầu đối với các dự án xây dựng cơ sở dữ liệu và các sản phẩm, dịch vụ chuyển đổi số theo hình thức hợp tác công tư; tham mưu việc hỗ trợ kinh phí trong chuyển đổi số cho các địa phương có khó khăn về ngân sách, hoàn thành trong tháng 7 năm 2025.

- Các bộ, ngành:

+ Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ và các doanh nghiệp đồng hành đánh giá tổng thể chiến lược chuyển đổi số, xác định rõ các hạng mục sử dụng ngân sách nhà nước và các hạng mục triển khai theo hình thức hợp tác công tư để đẩy nhanh tiến độ đầu tư; đăng ký danh mục dự án đầu tư sử dụng ngân sách nhà nước và danh mục dự án thực hiện theo hình thức hợp tác công tư gửi về Bộ Tài chính để thẩm định, phê duyệt, hoàn thành trong tháng 7 năm 2025.

+ Rà soát, xây dựng dự toán kinh phí tổng thể về chuyển đổi số, bao gồm: xây dựng cơ sở dữ liệu, phần mềm, hạ tầng công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và thực hiện các nhiệm vụ khác được giao tại Kế hoạch này gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ để rà soát, tổng hợp, gửi Bộ Tài chính, hoàn thành trong tháng 7 năm 2025.

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập dự toán kinh phí số hóa, chuyển đổi, xây dựng và cập nhật dữ liệu trên các nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung do các bộ, ngành hướng dẫn và các nhiệm vụ khác được giao tại Kế hoạch này, trình cấp có thẩm quyền thông qua theo quy định. Đối với các địa phương gặp khó khăn về kinh phí, báo cáo Chính phủ (qua Bộ Tài chính) để xem xét hỗ trợ, hoàn thành trong tháng 7 năm 2025.

b) Về nguồn nhân lực:

- Các bộ, ngành, địa phương thường xuyên tổ chức đào tạo, nâng cao năng lực chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân, bảo đảm khả năng vận hành, khai thác, sử dụng hiệu quả các nền tảng số, hệ thống thông tin.

- Mỗi bộ, ngành, địa phương nghiên cứu lựa chọn một tổng công trình sư về công nghệ thông tin, một tổng công trình sư về nghiệp vụ phối hợp Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ, doanh nghiệp đồng hành để xây dựng Kiến trúc số cấp bộ, cấp tỉnh và chiến lược chuyển đổi số của bộ, ngành, địa phương, hoàn thành trong năm 2025.

5. Về bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng

a) Bộ Công an chủ trì hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương bảo đảm an

toàn thông tin, an ninh mạng cho hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi số; thẩm định, kiểm tra, đánh giá, giám sát, ứng phó sự cố an toàn thông tin, an ninh mạng đối với hệ thống, cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi số.

b) Ban Cơ yếu Chính phủ:

- Chủ trì triển khai đồng bộ các giải pháp bảo mật cơ yếu đối với hạ tầng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; nâng cấp hệ thống ký số chuyên dùng bảo đảm kịp thời điều chỉnh phù hợp với việc thay đổi, bố trí cán bộ trong giai đoạn 2025 - 2026; nghiên cứu mở rộng, triển khai các giải pháp mã hóa dữ liệu để bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin và các yêu cầu về hiệu năng của nhiều loại cơ sở dữ liệu khác nhau, hoàn thành trong năm 2025.

- Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, triển khai các giải pháp bảo mật cho Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Quốc hội, Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, hoàn thành trong năm 2025.

c) Các bộ, ngành, địa phương:

- Triển khai các phương án bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng cho các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã, đang và sẽ xây dựng trong phạm vi quản lý theo tiêu chuẩn TCVN 14423:2025 về An ninh mạng - Yêu cầu đối với hệ thống thông tin quan trọng, hoàn thành trong tháng 9 năm 2025;

- Phối hợp với Bộ Công an trong việc bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, kịp thời ứng cứu sự cố cho hạ tầng kỹ thuật, dữ liệu, ứng dụng triển khai tại các bộ, cơ quan, địa phương.

IV. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chính phủ thống nhất chủ trương thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia về dữ liệu:

a) Vị trí, chức năng

Ban Chỉ đạo quốc gia về dữ liệu (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo) là tổ chức phối hợp liên ngành, thực hiện chức năng giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, giám sát thực hiện các chủ trương, chiến lược, cơ chế chính sách về dữ liệu, hoạt động xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; tích hợp, đồng bộ, lưu trữ, chia sẻ, phân tích, khai thác, điều phối dữ liệu tại Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

- Ban Chỉ đạo quốc gia về dữ liệu gồm các thành viên:

+ Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban.

+ Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Phó Trưởng ban.

+ Bộ trưởng Bộ Công an, Phó Trưởng ban Thường trực.

+ Thứ trưởng Bộ Công an, Phó Trưởng ban.

+ Bộ trưởng các bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Thành viên.

+ Cục trưởng Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an, Thành viên.

+ Giám đốc Trung tâm Dữ liệu quốc gia, Bộ Công an, Thư ký.

+ Đại diện lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Quốc hội, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là Trưởng Ban chỉ đạo về dữ liệu tại địa phương. Các Phó Trưởng ban, thành viên do Trưởng Ban Chỉ đạo về dữ liệu tại địa phương quyết định.

- Ban Chỉ đạo trực tiếp chỉ đạo về các nội dung: Xây dựng chiến lược về dữ liệu, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các bộ, ngành, địa phương thực hiện các chủ trương, chiến lược, cơ chế chính sách về dữ liệu, hoạt động xây dựng, khai thác, phát triển, bảo vệ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; tích hợp, đồng bộ, lưu trữ, chia sẻ, phân tích, khai thác, điều phối dữ liệu trong cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia tại Trung tâm dữ liệu quốc gia; hỗ trợ các bộ, ngành, địa phương triển khai các chủ trương, chính sách, pháp luật về dữ liệu; hợp tác, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng tài nguyên dữ liệu.

b) Nhiệm vụ và quyền hạn

- Giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo xây dựng các chiến lược về dữ liệu, kiểm tra, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương thực hiện các chủ trương, chiến lược, cơ chế chính sách về dữ liệu và hoạt động xây dựng, khai thác, phát triển, bảo vệ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- Giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giám sát, đôn đốc việc tích hợp, đồng bộ, lưu trữ, chia sẻ, phân tích, khai thác, điều phối dữ liệu tại Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

- Hỗ trợ các bộ, ngành, địa phương triển khai các chủ trương, chính sách, pháp luật về dữ liệu; hợp tác, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng tài nguyên dữ liệu.

- Sơ kết, đánh giá tình hình, kết quả triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đối với các nhiệm vụ có liên quan đến dữ liệu.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo về dữ liệu tại địa phương do Trưởng Ban chỉ đạo tại địa phương quyết định.

c) Chế độ làm việc

- Các thành viên Ban Chỉ đạo làm việc theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo. Trưởng Ban Chỉ đạo sử dụng con dấu của Thủ tướng Chính phủ; Phó Trưởng ban và các thành viên khác sử dụng con dấu của cơ quan mình.

- Các thành viên của Ban Chỉ đạo làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập và quy định về hoạt động có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện hoạt động của Ban Chỉ đạo tại địa phương, sử dụng bộ máy của mình để tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo tại địa phương.

d) Cơ quan Thường trực

Bộ Công an làm nhiệm vụ Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo; trình Trưởng Ban Chỉ đạo phê duyệt Quy chế làm việc, Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo; bảo đảm các điều kiện cần thiết cho hoạt động của Ban Chỉ đạo; thành lập Tổ Giúp việc của Ban Chỉ đạo.

Tổ Giúp việc có trách nhiệm giúp Ban Chỉ đạo theo lĩnh vực được phân công; đồng thời chỉ đạo, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương triển khai các nhiệm vụ được giao. Đồng chí Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Quyết định thành lập Tổ giúp việc; bảo đảm các điều kiện cần thiết và sử dụng con dấu của cơ quan mình cho hoạt động của Tổ Giúp việc. Trong trường hợp cần thiết, Tổ Giúp việc được huy động các chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước để thực hiện nhiệm vụ được giao.

đ) Kinh phí hoạt động

Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cho Bộ Công an và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ trực tiếp chịu trách nhiệm trước Chính phủ về việc xây dựng và phát triển các nền tảng dùng chung thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành; rà soát, xây dựng, bổ sung, hoàn thiện các bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành bao quát toàn diện các lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ, ngành, bảo đảm kết nối, tích hợp vào Trung tâm dữ liệu quốc gia; triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng cho các hệ thống thông tin, nền tảng số, cơ sở dữ liệu; thực hiện đôn đốc, hướng dẫn các địa phương triển khai các nội dung về tạo lập, quản lý, quản trị, khai thác, sử dụng dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành; chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về nội dung, tiến độ, chất lượng, định kỳ hằng tháng, hằng quý, hằng năm hoặc đột xuất báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm trực tiếp tổ chức, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ được giao

trong Nghị quyết này tại địa phương và chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tiến độ, chất lượng thực hiện các nhiệm vụ được giao; xây dựng, bổ sung, cập nhật các cơ sở dữ liệu của địa phương, bảo đảm tính thống nhất và liên thông, an toàn thông tin, an ninh mạng theo hướng dẫn; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

4. Đề nghị người đứng đầu các cơ quan của Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các tổ chức chính trị - xã hội chỉ đạo rà soát, xây dựng, hoàn thiện hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của cơ quan và bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng cho các hệ thống; phối hợp chặt chẽ với Chính phủ để tích hợp dữ liệu vào nền tảng dùng chung toàn quốc và kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

5. Các tập đoàn, doanh nghiệp đồng hành, cung cấp dịch vụ chịu trách nhiệm phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ các bộ, ngành, địa phương về nguồn lực, công nghệ, bảo đảm hiệu quả và an toàn thông tin, an ninh mạng trong thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết này; kịp thời phản ánh, kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các khó khăn, vướng mắc, đề xuất các sáng kiến, giải pháp trong quá trình triển khai thực hiện.

6. Giao Tổ công tác triển khai Đề án 06, cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 chịu trách nhiệm giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, điều phối, đôn đốc việc triển khai các nhiệm vụ đã được phân công tại Nghị quyết này; tổng hợp kết quả thực hiện từ các bộ, ngành, địa phương, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ định kỳ hằng tháng; đề xuất kịp thời các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

7. Các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết này, hoàn thành trước ngày 10 tháng 8 năm 2025, gửi về Tổ công tác triển khai Đề án 06, cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Báo cáo định kỳ của các bộ, ngành, địa phương gửi về Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Cơ quan thường trực Tổ công tác triển khai Đề án 06, cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 trước ngày 20 hằng tháng lên phần mềm theo dõi, giám sát Đề án 06 (tại địa chỉ: <https://dean06.vn>) để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.



Phụ lục I
DANH MỤC CÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA, CHUYÊN NGÀNH
(Kèm theo Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ)

I. Tổng số CSDL

STT	Bộ, ngành, cơ quan	Tổng số CSDL	Ghi chú
1	Văn phòng Chính phủ	11	
2	Bộ Công an	38	
3	Bộ Tài chính	42	
4	Bộ Tư pháp	16	
5	Bộ Công Thương	35	
6	Bộ Nội vụ	17	
7	Bộ Y tế	27	
8	Bộ Giáo dục và Đào tạo	5	
9	Bộ Khoa học và Công nghệ	26	
10	Bộ Xây dựng	19	
11	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	26	
12	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	38	
13	Bộ Ngoại giao	19	
14	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	6	
15	Tòa án nhân dân tối cao	1	
16	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	4	
Tổng		330	

II. CHI TIẾT CSDL

STT	Bộ, ngành, cơ quan	CSDL quy định tại Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ	CSDL cần bổ sung để triển khai 82 DVC theo lộ trình triển khai Trung tâm DLQG	Các CSDL cần rà soát phục vụ chỉ đạo, điều hành và giải quyết TTHC
1	Bộ Công an	1. CSDL giấy phép lái xe 2. CSDL nạn nhân bị mua bán 3. CSDL người cai nghiện ma túy và sau cai nghiện ma túy 4. CSDL về cư trú 5. CSDL Căn cước công dân 6. CSDL đăng ký phương tiện 7. CSDL Địa chỉ số quốc gia 8. CSDL Điều tra hình sự 9. CSDL định danh điện tử 10. CSDL định danh điện tử tổ chức 11. CSDL dùng chung về con dấu và kinh doanh có điều kiện 12. CSDL Quản lý phạm nhân, trại viên, học sinh trường giáo dưỡng 13. CSDL Quốc gia về dân cư 14. CSDL Quốc gia về xuất nhập cảnh 15. CSDL tai nạn giao thông 16. CSDL về phòng cháy chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn 17. CSDL Xử lý vi phạm hành chính trong CAND	1. CSDL Quản lý thông tin người chấp hành án hình phạt tại cộng đồng 2. CSDL về thi hành tạm giữ, tạm giam. 3. CSDL về vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ.	1. CSDL cấp, quản lý hộ chiếu phổ thông 2. CSDL quản lý người nước ngoài tại Việt Nam 3. CSDL quản lý vi phạm giao thông 4. CSDL nghiệp vụ ngành cảnh sát giao thông 5. CSDL quản lý trật tự xã hội (TTXH) 6. CSDL quản lý ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT 7. CSDL quản lý vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ 8. CSDL quản lý tội phạm và hồ sơ tội phạm hình sự 9. CSDL hồ sơ vụ án hình sự, hành chính 10. CSDL kỹ thuật hình sự và giám định pháp y 11. Cơ sở dữ liệu ngành an ninh mạng và phòng chống tội phạm công nghệ cao 12. CSDL thông tin, dữ liệu nghiệp vụ ngành tình báo, an ninh quốc gia 13. CSDL hồ sơ cán bộ, chiến sĩ công

STT	Bộ, ngành, cơ quan	CSDL quy định tại Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ	CSDL cần bổ sung để triển khai 82 DVC theo lộ trình triển khai Trung tâm DLQG	Các CSDL cần rà soát phục vụ chỉ đạo, điều hành và giải quyết TTHC
		18. Quản lý số liệu thống kê CAND 19. CSDL lý lịch tư pháp		an nhân dân 14. CSDL tài chính, tài sản công, đầu tư công ngành công an 15. CSDL văn bản, chỉ đạo điều hành nội bộ Bộ Công an 16. CSDL đào tạo, huấn luyện, tuyển sinh ngành công an
2	Bộ Công Thương	1. Cơ sở dữ liệu kinh tế công nghiệp và thương mại	CSDL xử lý vi phạm hành chính (INS)	1. CSDL Cơ khí chế tạo 2. CSDL Ô tô 3. CSDL Dệt may 4. CSDL Da giày 5. CSDL Điện tử 6. CSDL Hóa chất quốc gia 7. CSDL Hồ chứa thủy điện 8. CSDL Môi trường ngành Công Thương 9. CSDL Hệ thống cảnh báo sớm 10. CSDL Kết quả điều tra thống kê ngành TMĐT 11. CSDL Quản lý hoạt động thương mại điện tử 12. CSDL Doanh nghiệp xuất nhập khẩu uy tín 13. CSDL Hỗ trợ hoạt động xuất nhập khẩu – Nông, lâm, thủy sản 14. CSDL Xúc tiến thương mại

STT	Bộ, ngành, cơ quan	CSDL quy định tại Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ	CSDL cần bổ sung để triển khai 82 DVC theo lộ trình triển khai Trung tâm DLQG	Các CSDL cần rà soát phục vụ chỉ đạo, điều hành và giải quyết TTHC
				15. CSDL Hội chợ triển lãm 16. CSDL Quản lý khuyến mại 17. CSDL Ngành cơ khí (Công nghiệp & Thương mại) 18. CSDL Bảo vệ người tiêu dùng 19. CSDL Quản lý bán hàng đa cấp 20. CSDL Công thông tin điện tử Bộ Công Thương 21. CSDL Hiệp định thương mại tự do 22. Cơ sở Dữ liệu Thương mại Việt Nam (VNTR) 23. CSDL Thống kê ngành Công Thương 24. CSDL Kết quả điều tra thống kê quốc gia về năng lực sản xuất 25. CSDL Báo cáo thống kê ngành Công Thương 26. CSDL Nhượng quyền thương mại 27. CSDL Quản lý các nhiệm vụ KHCN 28. CSDL Xuất nhập khẩu của Việt Nam với các đối tác quốc tế 29. CSDL Xuất nhập khẩu Trung Quốc 30. CSDL Quản lý và điều hành hoạt động xăng dầu quốc gia 31. CSDL Danh sách cơ sở sử dụng

STT	Bộ, ngành, cơ quan	CSDL quy định tại Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ	CSDL cần bổ sung để triển khai 82 DVC theo lộ trình triển khai Trung tâm DLQG	Các CSDL cần rà soát phục vụ chỉ đạo, điều hành và giải quyết TTHC
				năng lượng trọng điểm (Dataenergy.vn) 32. CSDL Cán bộ, công chức Bộ Công Thương 33. CSDL Hàng hóa
3	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	1. Cơ sở dữ liệu về các dân tộc thiểu số 2. Cơ sở dữ liệu về đào tạo, bồi dưỡng lĩnh vực dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng. 3. Cơ sở dữ liệu về kết quả khoa học, công nghệ lĩnh vực dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng. 4. Cơ sở dữ liệu về Tôn giáo 5. Xây dựng, số hóa cơ sở dữ liệu về dân tộc, thành phần dân tộc các dân tộc Việt Nam.		CSDL về thực trạng kinh tế – xã hội của 53 dân tộc thiểu số
4	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1. Cơ sở dữ liệu cơ sở giáo dục nghề nghiệp 2. Cơ sở dữ liệu học sinh, sinh viên giáo dục nghề nghiệp 3. Cơ sở dữ liệu nhà giáo giáo dục nghề nghiệp 4. Cơ sở dữ liệu về Giáo dục Đại học 5. Cơ sở dữ liệu về Giáo dục Mầm non - Phổ thông - Thường xuyên		

STT	Bộ, ngành, cơ quan	CSDL quy định tại Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ	CSDL cần bổ sung để triển khai 82 DVC theo lộ trình triển khai Trung tâm DLQG	Các CSDL cần rà soát phục vụ chỉ đạo, điều hành và giải quyết TTHC
5	Bộ Khoa học và Công nghệ	1. CSDL Cấp phép lĩnh vực Chứng thực điện tử 2. CSDL Cơ quan, doanh nghiệp bưu chính 3. CSDL Cơ quan, doanh nghiệp lĩnh vực viễn thông 4. CSDL Doanh thu dịch vụ viễn thông 5. CSDL quốc gia về khoa học và công nghệ 6. CSDL Tài nguyên viễn thông 7. CSDL Thống kê tốc độ truy cập Internet băng rộng cố định và băng rộng di động của các Doanh nghiệp và địa phương trên cả nước.	CSDL Quyết toán tài chính	1. CSDL Nhân lực khoa học và công nghệ 2. CSDL quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng 3. CSDL công bố đơn về Sở hữu công nghiệp 4. CSDL về năng lượng nguyên tử 5. CSDL về quản lý thị trường KH&CN 6. CSDL về ứng dụng & phát triển công nghệ 7. CSDL về khoa học biển 8. CSDL về công nghệ sinh học 9. CSDL về an toàn bức xạ hạt nhân 10. CSDL công nghiệp công nghệ số 11. CSDL Nhiệm vụ khoa học và công nghệ 12. CSDL Tổ chức khoa học và công nghệ 13. CSDL về dược phẩm & mỹ phẩm (thuộc quản lý của Bộ KH&CN) 14. CSDL về công tác thanh tra – kiểm tra chuyên ngành 15. CSDL về phổ biến thông tin KH&CN 16. CSDL về đối thoại doanh nghiệp

STT	Bộ, ngành, cơ quan	CSDL quy định tại Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ	CSDL cần bổ sung để triển khai 82 DVC theo lộ trình triển khai Trung tâm DLQG	Các CSDL cần rà soát phục vụ chỉ đạo, điều hành và giải quyết TTHC
				17. CSDL Thống kê khoa học và công nghệ 18. CSDL quản lý các đề án - chương trình KH&CN quốc gia
6	Bộ Ngoại giao	1. Cơ sở dữ liệu về di cư		1. CSDL quản lý cán bộ, công chức, viên chức BNG 2. CSDL phục vụ chỉ đạo, điều hành 3. CSDL thi đua khen thưởng 4. CSDL hợp tác giữa Bộ Ngoại giao với các địa phương 5. CSDL tài chính kế toán 6. CSDL quản lý tài sản công 7. CSDL về nhà đất, trụ sở 8. CSDL đảng viên 3.0 9. CSDL về tài liệu cơ bản của các nước, tổ chức quốc tế 10. CSDL đại sự ký 11. CSDL hội nghị, hội thảo quốc tế của Bộ Ngoại giao 12. CSDL hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ 13. CSDL hợp pháp hóa lãnh sự 14. CSDL cấp thị thực ngoại giao 15. CSDL ưu đãi miễn trừ 16. CSDL thư viện số

STT	Bộ, ngành, cơ quan	CSDL quy định tại Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ	CSDL cần bổ sung để triển khai 82 DVC theo lộ trình triển khai Trung tâm DLQG	Các CSDL cần rà soát phục vụ chỉ đạo, điều hành và giải quyết TTHC
				17. CSDL về ngoại giao kinh tế 18. CSDL về ngoại giao văn hóa
7	Bộ Nội vụ	1. Cơ sở dữ liệu ADN của liệt sĩ và thân nhân 2. Cơ sở dữ liệu giải quyết hưởng bảo hiểm thất nghiệp 3. Cơ sở dữ liệu người hưởng chính sách ưu đãi người có công 4. Cơ sở dữ liệu người lao động 5. Cơ sở dữ liệu Người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam 6. Cơ sở dữ liệu người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 7. Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức 8. Cơ sở dữ liệu tai nạn lao động 9. Cơ sở dữ liệu về Chính quyền địa phương và địa giới hành chính 10. Cơ sở dữ liệu về Hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ	CSDL Liệt sĩ, mộ liệt sĩ và nghĩa trang liệt sĩ	1. Cơ sở dữ liệu về Tổ chức, bộ máy 2. Cơ sở dữ liệu về Chính quyền địa phương và địa giới hành chính 3. Cơ sở dữ liệu về Hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ 4. Cơ sở dữ liệu quản lý, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức 5. Cơ sở dữ liệu về Nhân tài Việt Nam 6. Cơ sở dữ liệu quốc gia về Thi đua – Khen thưởng
8	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1. CSDL khí tượng thủy văn quốc gia 2. CSDL nền địa lý quốc gia 3. CSDL nghề cá quốc gia (Vnfishbase)		1. Cơ sở dữ liệu Quản lý Thuốc Bảo vệ thực vật 2. Cơ sở dữ liệu Quản lý mã số vùng trồng xuất khẩu 3. Cơ sở dữ liệu quản lý thức ăn chăn

STT	Bộ, ngành, cơ quan	CSDL quy định tại Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ	CSDL cần bổ sung để triển khai 82 DVC theo lộ trình triển khai Trung tâm DLQG	Các CSDL cần rà soát phục vụ chỉ đạo, điều hành và giải quyết TTHC
		4. CSDL nuôi trồng thủy sản 5. CSDL quốc gia về Đất đai 6. CSDL trồng trọt 7. CSDL về giống cây trồng 8. CSDL về khai thác sử dụng tài nguyên biển và hải đảo 9. CSDL viễn thám quốc gia 10. CSDL báo cáo thống kê ngành tài nguyên và môi trường 11. Cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia 12. Cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo		nuôi nhập khẩu trên Cổng thông tin một cửa quốc gia 4. Cơ sở dữ liệu về thức ăn chăn nuôi sản xuất trong nước được phép lưu hành tại Việt Nam 5. Cơ sở dữ liệu về quản lý thức ăn chăn nuôi nhập khẩu được phép lưu hành tại Việt Nam 6. Hệ thống Cơ sở dữ liệu về bố trí dân cư nông thôn 7. Cơ sở dữ liệu Báo cáo tiến độ sản xuất ngành trồng trọt 8. Cơ sở dữ liệu bảo hộ giống cây trồng 9. Hệ thống Văn phòng điện tử và cơ sở dữ liệu văn bản, hồ sơ, tài liệu 10. Cổng thông tin điện tử Bộ Nông nghiệp và Môi trường 11. Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu lưu trữ điện tử 12. Hệ thống báo cáo ngành Nông nghiệp và Môi trường 13. Hệ thống thư điện tử công vụ của Bộ Nông nghiệp và môi trường 14. Cơ sở dữ liệu rừng
9	Bộ Tài chính			

STT	Bộ, ngành, cơ quan	CSDL quy định tại Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ	CSDL cần bổ sung để triển khai 82 DVC theo lộ trình triển khai Trung tâm DLQG	Các CSDL cần rà soát phục vụ chỉ đạo, điều hành và giải quyết TTHC
		1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm 2. Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp 3. Cơ sở dữ liệu quốc gia về đấu thầu 4. Cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công 5. Cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư nước ngoài và đầu tư ra nước ngoài 6. Cơ sở dữ liệu quốc gia về khu công nghiệp, khu kinh tế 7. Cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch 8. Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia 9. Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã 10. Cơ sở dữ liệu về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 11. CSDL tổng hợp về tài chính 12. Hệ thống Cấp mã số BHXH và Quản lý BHYT hộ gia đình 13. Hệ thống giám định bảo hiểm y tế 14. Hệ thống quản lý thu và sổ thẻ (TST) 15. Hệ thống Xét duyệt chính sách		1. Cơ sở dữ liệu Thuế 2. Cơ sở dữ liệu Kho bạc 3. Cơ sở dữ liệu Hải quan 4. Cơ sở dữ liệu Chứng khoán 5. Cơ sở dữ liệu Dự trữ quốc gia 6. Cơ sở dữ liệu Giá 7. Cơ sở dữ liệu Bảo hiểm 8. Cơ sở dữ liệu Nợ công 9. Cơ sở dữ liệu Tài sản công 10. Cơ sở dữ liệu Vốn nhà nước tại doanh nghiệp 11. Cơ sở dữ liệu Thu – chi ngân sách nhà nước 12. Cơ sở dữ liệu Danh mục điện tử dùng chung ngành Tài chính 13. Cơ sở dữ liệu Hóa đơn, biên lai điện tử 14. Các CSDL lĩnh vực BHXH, BHYT, BHTN 15. Cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư 16. Cơ sở dữ liệu về văn bản pháp luật (VBQPPL) 17. Cơ sở dữ liệu về thủ tục hành chính thuộc Bộ Tài chính 18. Cơ sở dữ liệu về các dự án đầu tư 19. Cơ sở dữ liệu về giám sát, đánh giá

STT	Bộ, ngành, cơ quan	CSDL quy định tại Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ	CSDL cần bổ sung để triển khai 82 DVC theo lộ trình triển khai Trung tâm DLQG	Các CSDL cần rà soát phục vụ chỉ đạo, điều hành và giải quyết TTHC
		(TCS) 16. Tiếp nhận và quản lý hồ sơ 17. Hệ thống Quản lý thông tin khách hàng (EVN)		đầu tư 20. Cơ sở dữ liệu về chương trình mục tiêu quốc gia 21. Cơ sở dữ liệu báo cáo ngành 22. Cơ sở Hệ thống dữ liệu mạng đấu thầu quốc gia 23. Cơ sở dữ liệu thông tin dự án đầu tư công 24. Cổng dữ liệu Bộ Tài chính 25. Nền tảng quản trị số tổng thể của MPI
10	Bộ Tư pháp	1. Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử 2. Cơ sở dữ liệu thi hành án dân sự 3. Cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm 4. Cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính 5. Hệ thống quản lý tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý		1. CSDL quốc gia về pháp luật (dữ liệu văn bản QPPL, dữ liệu pháp điển...) 2. CSDL quốc gia về xử lý vi phạm hành chính 3. CSDL theo dõi thi hành pháp luật 4. CSDL phổ biến, giáo dục pháp luật và hoà giải cơ sở 5. CSDL trợ giúp pháp lý 6. CSDL về biện pháp bảo đảm bằng động sản thuộc thẩm quyền của Bộ Tư pháp 7. CSDL bồi thường nhà nước 8. CSDL quản lý thừa phát lại

STT	Bộ, ngành, cơ quan	CSDL quy định tại Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ	CSDL cần bổ sung để triển khai 82 DVC theo lộ trình triển khai Trung tâm DLQG	Các CSDL cần rà soát phục vụ chỉ đạo, điều hành và giải quyết TTHC
				9. CSDL công chứng 10. CSDL quản lý đấu giá tài sản 11. CSDL quản lý các chức danh hỗ trợ tư pháp (luật sư, trọng tài viên...)
11	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1. CSDL Cơ quan báo chí 2. CSDL Đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan 3. CSDL Di sản văn hóa phi vật thể (hệ thống thông tin quản lý di sản văn hóa phi vật thể) 4. CSDL Hiện vật (Hệ thống thông tin quản lý hiện vật) 5. CSDL Phòng chống bạo lực gia đình 6. CSDL Sản phẩm quảng cáo 7. CSDL Thành tích thể thao		1. CSDL Văn bản và điều hành tác nghiệp 2. CSDL Tổ chức cán bộ 3. CSDL Thi đua khen thưởng 4. CSDL Khoa học và công nghệ 5. CSDL Hợp tác quốc tế 6. CSDL dùng chung về nguồn lực của Bộ VHTTDL 7. CSDL dùng chung về hạ tầng của Bộ VHTTDL 8. CSDL dùng chung về hoạt động của Bộ VHTTDL 9. CSDL dùng chung về tài nguyên văn hóa của Bộ VHTTDL 10. CSDL dùng chung về báo cáo, thống kê tổng hợp Bộ VHTTDL 11. CSDL Văn hóa các dân tộc Việt Nam 12. CSDL Bảo tàng Việt Nam (Hệ thống thông tin quản lý bảo tàng) 13. CSDL Nguồn lực về quyền tác giả, quyền liên quan

STT	Bộ, ngành, cơ quan	CSDL quy định tại Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ	CSDL cần bổ sung để triển khai 82 DVC theo lộ trình triển khai Trung tâm DLQG	Các CSDL cần rà soát phục vụ chỉ đạo, điều hành và giải quyết TTHC
				14. CSDL Sản xuất phim 15. CSDL Phát hành, phổ biến, lưu chiếu phim 16. CSDL Quảng bá, xúc tiến phát triển điện ảnh 17. CSDL Hoạt động nghệ thuật biểu diễn 18. CSDL Di tích Việt Nam (Hệ thống thông tin quản lý di tích) 19. CSDL Cơ sở lưu trú du lịch 20. CSDL Hướng dẫn viên du lịch 21. CSDL Doanh nghiệp lữ hành 22. CSDL Khu du lịch, điểm du lịch Việt Nam 23. CSDL Hạ tầng cơ sở thể thao 24. CSDL Đăng cai sự kiện thể thao 25. CSDL Kế hoạch tài chính 26. CSDL Bảo vệ môi trường 27. CSDL Thanh tra, kiểm tra, phòng chống tham nhũng 28. Kho tài nguyên số nội sinh dùng chung Bộ VHTTDL 29. Kho dữ liệu điện tử dùng chung phục vụ giải quyết thủ tục hành chính 30. Kho dữ liệu mở dùng chung Bộ VHTTDL

STT	Bộ, ngành, cơ quan	CSDL quy định tại Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ	CSDL cần bổ sung để triển khai 82 DVC theo lộ trình triển khai Trung tâm DLQG	Các CSDL cần rà soát phục vụ chỉ đạo, điều hành và giải quyết TTHC
				31. Kho dữ liệu phân tích tổng hợp phục vụ chỉ đạo điều hành
12	Bộ Xây dựng	1. Cơ sở dữ liệu cấp nước sạch và thoát nước đô thị 2. Cơ sở dữ liệu đăng kiểm phương tiện 3. Cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng đường bộ 4. Cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng giao thông đường hàng không 5. Cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt 6. Cơ sở dữ liệu tàu biển, thuyền viên lĩnh vực hàng hải 7. Cơ sở dữ liệu về năng lực hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân và tổ chức. 8. Cơ sở dữ liệu về Phát triển đô thị 9. Hệ thống thông tin nhà ở và thị trường bất động sản		1. CSDL về định mức xây dựng, giá xây dựng công trình và chỉ số giá xây dựng; 2. CSDL về quy chuẩn tiêu chuẩn xây dựng; 3. CSDL về nhiệm vụ khoa học công nghệ và môi trường; 4. CSDL phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (LAS-XD); 5. CSDL hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức Bộ Xây dựng; 6. CSDL kết quả giải quyết thủ tục hành chính; 7. CSDL văn bản chỉ đạo điều hành; 8. CSDL chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng; 9. CSDL quy hoạch khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng; 10. CSDL về năng lực của tổ chức, cá nhân giám định tư pháp xây dựng.
13	Bộ Y tế	1. CSDL cơ sở trợ giúp xã hội 2. CSDL đối tượng trợ giúp xã hội 3. CSDL lĩnh vực dự phòng, HIV, AIDS	CSDL Quốc gia về y tế	1. CSDL hồ sơ bệnh án điện tử 2. CSDL mã định danh y tế cá nhân 3. CSDL mã dược phẩm & thiết bị y tế 4. CSDL giám sát dịch bệnh

STT	Bộ, ngành, cơ quan	CSDL quy định tại Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ	CSDL cần bổ sung để triển khai 82 DVC theo lộ trình triển khai Trung tâm DLQG	Các CSDL cần rà soát phục vụ chỉ đạo, điều hành và giải quyết TTHC
		4. CSDL môi trường cơ sở y tế. 5. CSDL người khuyết tật 6. CSDL người làm công tác xã hội 7. CSDL quản lý trẻ em 8. CSDL về an toàn thực phẩm. 9. CSDL về khám, chữa bệnh. 10. CSDL về nhân lực y tế. 11. Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia. 12. Hệ thống thông tin lĩnh vực sức khỏe bà mẹ trẻ em/sức khỏe sinh sản.		5. CSDL quản lý hồ sơ sức khỏe & hỗ trợ sinh sản 6. CSDL quản lý khám chữa bệnh & hành nghề y tế 7. CSDL về dược và mỹ phẩm 8. CSDL quản lý thiết bị y tế 9. CSDL quản lý cơ sở khám chữa bệnh 10. CSDL báo cáo – thống kê dược & thiết bị y tế 11. CSDL giám định pháp y 12. CSDL thanh toán viện phí điện tử 13. CSDL nền tảng Sổ sức khỏe điện tử 14. CSDL kỹ thuật về quản lý An toàn thông tin y tế
14	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	1. Bảng số liệu Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước. 2. CSDL Mã ngân hàng. 3. CSDL Thông tin tín dụng. 4. Kho dữ liệu Data warehouse.		
15	Tòa án nhân dân tối cao	Hệ thống phần mềm quản lý nghiệp vụ thụ lý, giải quyết các loại vụ, việc dùng chung của Tòa án nhân dân.		
16	Văn phòng Chính phủ	Cơ sở dữ liệu quốc gia về Thủ tục hành chính		1. Cơ sở dữ liệu Theo dõi, đôn đốc tình hình thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao

STT	Bộ, ngành, cơ quan	CSDL quy định tại Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ	CSDL cần bổ sung để triển khai 82 DVC theo lộ trình triển khai Trung tâm DLQG	Các CSDL cần rà soát phục vụ chỉ đạo, điều hành và giải quyết TTHC
				2. Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc của Văn phòng Chính phủ (e-Office). 3. Cổng dịch vụ công Quốc gia. 4. Trục liên thông văn bản quốc gia 5. Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ 6. Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ 7. Cổng thông tin điện tử Chính phủ 8. Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính 9. Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ 10. Hệ thống đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử

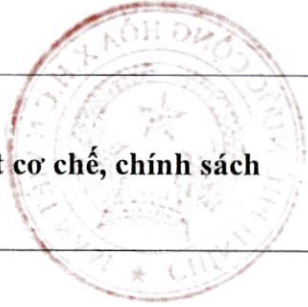


Phụ lục II

**DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU
CHUYÊN NGÀNH TRỌNG TÂM, ƯU TIÊN TRIỂN KHAI TRONG NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 214 /NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ)

TT	Cơ sở dữ liệu	Bộ, ngành, cơ quan chủ trì	Nhiệm vụ cần thực hiện	Đề xuất cơ chế, chính sách	Thời hạn hoàn thành
1	CSDLQG về Đất đai	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Chủ trì phối hợp với UBND các tỉnh/thành phố và các doanh nghiệp công nghệ đẩy nhanh tiến độ ứng dụng phần mềm quản lý đất đai và công tác xây dựng CSDL đất đai tại các địa phương, đảm bảo tích hợp đầy đủ dữ liệu đất đai với CSDL tổng hợp quốc gia.	- Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Dự án; là đầu mối tổng hợp và tổng kết Dự án trên phạm vi cả nước. Xin chủ trương của Chính phủ/Quốc hội về việc các địa phương được phép sử dụng nguồn kinh phí 10% thu từ đất để trả góp cho Doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ theo lộ trình 3, 5, 7 ... năm theo khả năng cân đối và đặc thù từng tỉnh. - UBND các tỉnh, thành phố (trực tiếp là Sở Nông nghiệp và Môi trường) xây dựng kế hoạch thực hiện, phê duyệt dự toán và tổ chức triển khai thực hiện các Dự án thành phần tại địa phương hoàn thiện CSDL địa chính phạm vi toàn tỉnh trong năm 2026 - Cơ chế đặc thù: Đề xuất Chính phủ có cơ chế đặc thù giao Tập đoàn/Doanh nghiệp lớn có năng lực về tài chính, nguồn lực để thực hiện tập trung việc số hóa, tạo lập CSDL đất đai, để đảm bảo có thể hoàn thành CSDL địa chính phạm vi toàn quốc trong năm 2026.	31/12/2025
2	CSDLQG về Tài chính	Bộ Tài chính	a) Xây dựng nền tảng sử dụng thống nhất toàn quốc phục vụ trong ngành Tài chính cũng như cung cấp số liệu công khai ngân sách nhà nước: - Phục vụ chỉ đạo điều hành và ra quyết định: Xây dựng các chức năng trên hệ thống đáp ứng cho người sử dụng bao gồm: Các đơn vị trong	Hình thức đầu tư: dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.	31/12/2025

TT	Cơ sở dữ liệu	Bộ, ngành, cơ quan chủ trì	Nhiệm vụ cần thực hiện	Đề xuất cơ chế, chính sách	Thời hạn hoàn thành
			Bộ Tài chính, Thuế, Hải quan, Kho bạc, Cơ quan tài chính địa phương, Bộ cơ quan ngang Bộ. Đáp ứng các yêu cầu nghiệp vụ của Bộ Tài chính thông qua việc xây dựng mới/nâng cấp các tính năng: Khai thác báo cáo theo các Thông tư văn bản theo quy định; Phân tích/trực quan hóa dữ liệu (các báo cáo phân tích dữ liệu theo nhu cầu, phân tích trên biểu đồ sử dụng dữ liệu có cấu trúc; cung cấp đầu ra là các dạng báo cáo, Dashboard, KPIs về các nghiệp vụ quản lý trong ngành Tài chính). - CSDL Tổng hợp về Tài chính được hoàn thành triển khai với mục tiêu xây dựng một hệ thống CSDL tập trung, có khả năng kết nối, liên thông giữa các đơn vị trong và ngoài ngành Tài chính; b) Các bộ, ngành, địa phương không xây dựng các phần mềm, hệ thống phục vụ việc quản lý, chỉ đạo điều hành công việc nội bộ của mình mà dùng chung trên nền tảng số quốc gia này.		
3	CSDL ngành Giáo dục và đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo	a) Xây dựng và ban hành Nghị định quy định quản lý dữ liệu về giáo dục và đào tạo, quy định hướng dẫn về hồ sơ giáo dục số (học bạ, văn bằng, chứng chỉ) để làm cơ sở pháp lý triển khai đồng bộ, thống nhất trên toàn quốc. Ban hành kế hoạch đồng bộ dữ liệu từ các cơ sở giáo dục của Địa phương lên Trung ương. b) Hoàn thành xây dựng CSDL trọng điểm của ngành gồm các thông tin về cơ sở giáo dục, nhà giáo và người học. Triển khai thí điểm và đồng	Chính phủ giao Bộ Giáo dục và đào tạo định nghĩa, chuẩn hoá 2 tiêu chuẩn dữ liệu, định nghĩa các hệ thống CSDL theo phân cấp xây dựng, khai thác; - Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng CSDL quốc gia về giáo dục và đào tạo, các hệ thống CSDL ngành để đồng bộ, tạo lập hoặc đón nhận dữ liệu từ các địa phương/cơ sở giáo dục/bộ ngành khác, một điểm kết nối tập trung với Trung tâm Dữ liệu quốc gia; - Cho phép tổ chức, doanh nghiệp hợp tác công tư để xây dựng, khai thác dữ liệu trong các CSDL và kho dữ liệu để	31/12/2025

TT	Cơ sở dữ liệu	Bộ, ngành, cơ quan chủ trì	Nhiệm vụ cần thực hiện	Đề xuất cơ chế, chính sách	Thời hạn hoàn thành
			bộ các dữ liệu liên quan học bạ số, văn bằng số của người học về Trung tâm dữ liệu quốc gia. c) Thực hiện đóng gói dữ liệu theo thông tư 08/2025/TT-BCA ngày 05/02/2025 và đồng bộ dữ liệu về Trung tâm dữ liệu quốc gia. Đảm bảo dữ liệu được cập nhật kịp thời và chính xác, đầy đủ trên toàn hệ thống.	phục vụ công tác quản trị, quản lý hoạt động giáo dục và đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	
4	CSDL Hộ tịch	Bộ Tư pháp	Hoàn thành triển khai 08 phần mềm thành phần trong hệ thống CSDL hộ tịch bao gồm: (1) Đăng ký và quản lý hộ tịch dùng chung; (2) Số hóa dữ liệu hộ tịch lịch sử. (3) Hệ thống trao đổi với CSDLQG về dân cư (4) Quản lý hồ sơ hộ tịch điện tử cá nhân; (5) Đăng ký, xác thực giấy tờ hộ tịch điện tử; (6) Hệ thống thông tin và khai thác dữ liệu hộ tịch; (7) Công thông tin hộ tịch điện tử; (8) Quản lý dịch vụ dùng chung	- Đầu tư nguồn lực cho công tác xây dựng Cơ sở dữ liệu hộ tịch; tập trung xử lý, cập nhật thông tin về hộ tịch kịp thời, đầy đủ, chính xác; - Nghiên cứu, đổi mới quy trình tiếp nhận, xử lý thông tin, xây dựng Cơ sở dữ liệu hộ tịch, kiểm soát chất lượng cơ sở dữ liệu, để đảm bảo cơ sở dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống”. - Cung cấp dữ liệu hộ tịch cho các bộ, ngành, địa phương khai thác phục vụ giải quyết thủ tục hành chính.	31/12/2025
5	CSDL ngành Y tế	Bộ Y tế	a) Ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về việc đồng bộ, cập nhật, công nhận dữ liệu lên hệ thống và tái sử dụng kết quả xét nghiệm, chẩn đoán giữa các tuyến khám chữa bệnh nhằm tạo sự liên thông dữ liệu trên toàn quốc. b) Phối hợp Bộ Công an triển khai mô hình trung ương (tập trung) để quản lý thống nhất nội dung dữ liệu ngành nhằm tối ưu hóa chức năng khai thác dữ liệu y tế địa phương; đồng thời cung cấp thêm dữ liệu từ các kho dữ liệu hiện có để nâng cao năng lực phân tích và ứng dụng dữ liệu.	- Chính phủ giao BHYT định nghĩa, chuẩn hoá tiêu chuẩn dữ liệu, định nghĩa các hệ thống CSDL theo phân cấp xây dựng, khai thác. - Bộ Y tế xây dựng các hệ thống CSDL ngành để đồng bộ, tạo lập hoặc đón nhận dữ liệu từ các địa phương/cơ sở y tế/bộ ngành khác làm giàu cho Kho dữ liệu của Bộ Y tế, CSDL Quốc gia về y tế - Các địa phương xây dựng Kho dữ liệu địa phương đồng bộ với Kho dữ liệu của Bộ Y tế và Kho Dữ liệu Quốc gia theo chuẩn chung - Cho phép tổ chức, doanh nghiệp hợp tác công tư để xây dựng, khai thác dữ liệu trong các CSDL và kho dữ liệu để	31/12/2025

TT	Cơ sở dữ liệu	Bộ, ngành, cơ quan chủ trì	Nhiệm vụ cần thực hiện	Đề xuất cơ chế, chính sách	Thời hạn hoàn thành
			c) Tiếp tục mở rộng triển khai thí điểm hệ thống điều phối dữ liệu y tế kết nối với các bệnh viện trên cả nước. d) Phối hợp Bộ Công an triển khai thí điểm giải pháp Cổng ký số từ xa tập trung trên nền tảng định danh và xác thực điện tử VNeID trong quy trình khám, chữa bệnh nhằm hoàn thiện việc số hóa cho bệnh án điện tử.	phục vụ công tác quản lý điều hành, quản lý nhà nước và nâng cao công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người dân	
6	CSDL Hàng hóa	Bộ Công Thương	a) Hoàn thiện chính sách, pháp lý, quy trình thực hiện thu thập dữ liệu, định danh hàng hóa. b) Xây dựng nền tảng xác thực và truy vết: Nền tảng này được thiết kế để hỗ trợ người dùng và cơ quan quản lý nhà nước truy cập, tra cứu và kiểm tra thông tin xác thực cũng như truy vết nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa. c) Nền tảng ứng dụng dành cho tổ chức, doanh nghiệp: Nền tảng này được thiết kế nhằm hỗ trợ các tổ chức tham gia chuỗi cung ứng, bao gồm nông hộ, hợp tác xã, doanh nghiệp và cơ quan quản lý, thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến định danh, xác thực và truy vết nguồn gốc. Nền tảng cho phép bên thứ ba phát triển và tích hợp với các ứng dụng hiện có, đảm bảo tính linh hoạt và khả năng mở rộng.	- Bộ Công thương chủ động phối hợp Bộ Công an, Bộ Tài chính trong việc làm sạch dữ liệu người đại diện, tổ chức được cấp phép hoạt động trong lĩnh vực hóa chất. - Bộ Công thương phối hợp Bộ Công an triển khai định danh điện tử các tổ chức hoạt động về hóa chất.	31/12/2025
7	CSDLQG về hoạt động xây dựng.	Bộ Xây dựng	a) Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hệ thống phần mềm quản lý hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng; CSDL quốc gia về hoạt động xây dựng được cấu thành từ CSDL về quy hoạch đô thị và nông thôn; CSDL	Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần đưa nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, xây dựng vào nhiệm vụ trọng điểm của ngành để đẩy nhanh công tác triển khai hoàn thiện theo các văn bản pháp lý đã ban hành. Đồng thời phối hợp với các đơn vị trong công tác nghiên cứu, xây dựng và triển khai hệ thống.	31/12/2025

TT	Cơ sở dữ liệu	Bộ, ngành, cơ quan chủ trì	Nhiệm vụ cần thực hiện	Đề xuất cơ chế, chính sách	Thời hạn hoàn thành
			về dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng và CSDL về định mức và giá xây dựng. b) Thử nghiệm, cập nhật, bổ sung, kết nối, chia sẻ dữ liệu trong hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng; c) Kết nối cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng; chia sẻ dữ liệu về hoạt động xây dựng với các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác; d) Thực hiện chọn lọc, làm sạch và cập nhật thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng. đ) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có liên quan xây dựng phương án, giải pháp ứng cứu sự cố về an toàn thông tin, an ninh mạng cho hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng; xây dựng và thực hiện giải pháp giám sát an toàn hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng. e) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có liên quan xây dựng, ban hành theo thẩm quyền quy định kỹ thuật về cấu trúc dữ liệu trao đổi, các quy chế, quy trình chia sẻ dữ liệu trong phạm vi dữ liệu chuyên ngành thuộc thẩm quyền quản lý.	4.1. Đề xuất về cơ chế chính sách - Bộ Xây dựng phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các bộ và chính sách pháp lý liên quan để hướng dẫn địa phương tháo gỡ các khó khăn vướng mắc về định mức chuẩn hóa dữ liệu, phạm vi thu phí, thuế trong bài toán quy hoạch, bài toán xây dựng. - Bộ Xây dựng xây dựng các pháp lý hỗ trợ việc khai thác, cập nhật dữ liệu từ trung ương đến địa phương đảm bảo dữ liệu được đồng bộ xuyên suốt từ địa phương lên giúp quản lý và khai thác được giá trị của dữ liệu. - Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng xây dựng hành lang chính sách, hướng dẫn các địa phương rút ngắn/bỏ các bước trung gian trong hoạt động đấu thầu, áp dụng các hình thức như đấu thầu rút gọn, chỉ định thầu đối với doanh nghiệp đã được chính phủ giao nhiệm vụ trực tiếp tham gia nhiệm vụ hoàn thiện CSDL đất đai trên phạm vi toàn quốc; - Đối với UBND tỉnh (Sở Xây dựng): Thống nhất chủ trương từ chính phủ/trung ương, phối hợp chặt chẽ với doanh nghiệp đã nhận nhiệm vụ thi công, số hóa, xây dựng CSDL xây dựng, quy hoạch. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực (ngân sách, đầu mối chuyên ngành) theo quy định, cam kết hoàn thành theo đúng lộ trình trung ương đã chỉ đạo; Xây dựng kế hoạch thực hiện, phê duyệt dự toán và tổ chức triển khai thực hiện các Dự án thành phần tại địa phương. 4.2. Đề xuất về nguồn lực tài chính/nhân lực/công nghệ - Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính đề xuất nhiệm vụ, kinh phí; Bộ Tài chính phê duyệt Dự án và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong Dự án.	

TT	Cơ sở dữ liệu	Bộ, ngành, cơ quan chủ trì	Nhiệm vụ cần thực hiện	Đề xuất cơ chế, chính sách	Thời hạn hoàn thành
				- Tổ chức nguồn nhân lực tập cho CSDL xây dựng, quy hoạch tại Bộ phối hợp VNPT để nghiên cứu và hoàn thiện phương án giải pháp, công nghệ triển khai thông qua hiện trạng về nhân lực, công nghệ thông tin tại Bộ.	
8	CSDLQG về Kiểm soát tài sản, thu nhập	Thanh tra Chính phủ	a) Xây dựng quy trình nghiệp vụ, xây dựng các chỉ tiêu cảnh báo theo yêu cầu nghiệp vụ b) Xác định thông tin, dữ liệu cần số hóa và thu thập c) Xác định CSDL Quốc gia, CSDL chuyên ngành cần kết nối, chia sẻ thông tin d) Đánh giá mức độ mật của dữ liệu theo Luật Bảo vệ bí mật nhà nước đ) Thiết kế hệ thống đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ và đảm bảo yêu cầu về mức độ mật của dữ liệu	Đẩy nhanh khảo sát dữ liệu cần số hóa, dữ liệu cần thu thập và các thủ tục pháp lý cần thiết để triển khai dự án. Bộ Công an phối hợp phân loại dữ liệu theo cấp độ Mật để thiết kế hệ thống phù hợp theo quy định	31/12/2025
9	CSDLQG về Xử lý vi phạm hành chính	Bộ Tư pháp	Đối với triển khai xây dựng Cơ sở dữ liệu trên, cần triển khai nhằm hỗ trợ truy cập, tra cứu và tìm kiếm dữ liệu xử lý vi phạm hành chính một cách dễ dàng, thông qua hệ thống thông tin điện tử và những phương tiện khác, tạo công cụ tin cậy, hiệu quả để lưu trữ và tra cứu các dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính, nhằm: (i) Phục vụ quản lý nhà nước, hoạch định chính sách, hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, quản lý thống nhất công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; (ii) Phục vụ việc xác định tình tiết tăng nặng “tái phạm vi phạm hành chính” trong xử lý vi phạm hành chính; (iii) Phục vụ hoạt động tố tụng, truy cứu trách nhiệm hình sự.	Đẩy nhanh khảo sát dữ liệu cần số hóa, dữ liệu cần thu thập và các thủ tục pháp lý cần thiết để triển khai dự án. Xây dựng trực tích hợp dữ liệu từ các bộ ban ngành để tạo lập CSDL về xử lý vi phạm hành chính.	31/12/2025

TT	Cơ sở dữ liệu	Bộ, ngành, cơ quan chủ trì	Nhiệm vụ cần thực hiện	Đề xuất cơ chế, chính sách	Thời hạn hoàn thành
10	CSDL ngành Nông nghiệp	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	a) Nắm các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết về cấu trúc dữ liệu, định dạng dữ liệu, mô hình quản lý thông tin nông nghiệp b) Phối hợp với các địa phương, bộ ngành để xây dựng CSDL liên thông, tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý và khai thác thông tin. Xây dựng các quy trình khai thác, cập nhật và chia sẻ dữ liệu giữa các cấp chính quyền. c) Tham gia hoàn thiện thiết kế mô hình CSDL và hệ thống thông tin cho nông nghiệp. Đồng bộ với các hệ thống khác; d) Triển khai phát triển hệ thống Sản nông nghiệp và bắt đầu triển khai tạo lập dữ liệu nông nghiệp đ) Các nhiệm vụ được phân kỳ, ưu tiên theo giai đoạn như sau: 5.1. Giai đoạn 1 (2025): Khảo sát, đánh giá hiện trạng và lập kế hoạch tổng thể: a) Khảo sát hiện trạng: - Đánh giá hệ thống CSDL hiện có tại các đơn vị trực thuộc Bộ NN&MT. - Xác định các dữ liệu quan trọng, mức độ hoàn chỉnh và khả năng liên thông. - Xác định các thách thức, hạn chế và nhu cầu phát triển trong tương lai. b) Xây dựng kế hoạch tổng thể: - Định nghĩa kiến trúc tổng thể của CSDL ngành NN&MT theo mô hình tập trung, phân tán hoặc lai ghép.	Bộ NN&MT chỉ định các nhiệm vụ triển khai luôn từ Q2/2025: - Khảo sát, quy hoạch và ban hành thiết kế CSDL Ngành từ Q2/2025 - Chỉ định một địa phương, thực hiện khảo sát, xây dựng CSDL ngành Nông nghiệp tại Địa phương. Đồng bộ, chia sẻ dữ liệu với CSDL của Bộ	31/12/2025

TT	Cơ sở dữ liệu	Bộ, ngành, cơ quan chủ trì	Nhiệm vụ cần thực hiện	Đề xuất cơ chế, chính sách	Thời hạn hoàn thành
			- Đề xuất danh mục các CSDL trọng điểm cần triển khai (CSDL đất nông nghiệp, thủy lợi, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, phòng chống thiên tai, an toàn thực phẩm, doanh nghiệp nông nghiệp,...). - Xây dựng lộ trình triển khai theo giai đoạn, phân bổ nguồn lực hợp lý. - Xác định tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đảm bảo khả năng liên thông, tích hợp. c) Giai đoạn 2 (2025 - 2026): Xây dựng nền tảng quản lý và số hóa dữ liệu nông nghiệp: Hoàn thiện khung pháp lý, chính sách, Thí điểm triển khai tại một số địa phương trọng điểm d) Giai đoạn 3 (2026 - 2028): Mở rộng và liên thông hệ thống: Mở rộng triển khai trên phạm vi toàn quốc, Tích hợp với các hệ thống dữ liệu quốc gia khác, Tăng cường bảo mật và giám sát hệ thống; đ) Giai đoạn 4 (2028 - 2030): Hoàn thiện và tối ưu khai thác dữ liệu: Thương mại hóa và khai thác dữ liệu nông nghiệp, Hoàn thiện cơ chế giám sát và cải tiến hệ thống.		
11	CSDLQG về An sinh xã hội	Bộ Nội vụ	a) Bộ Nội vụ rà soát các văn bản pháp lý, xây dựng các thông tin cần thiết được cập nhật, tích hợp vào CSDLQG về an sinh xã hội trong đó xác định rõ các trường thông tin có thể đồng bộ từ CSDLQGvDC, CSDL của BHXH và các CSDL chuyên ngành khác do Bộ Nội vụ đã triển	Đầu tư dự án “Xây dựng CSDLQG về An sinh xã hội và chuyển đổi số trong giải quyết chính sách an sinh xã hội” Đầu tư dự án đối với chức năng quản lý Nhà nước về việc làm và dữ liệu liên quan đến CSDL quốc gia Xã hội hóa (hình thức PPP) với những chức năng kết nối cung cầu lao động, sản việc làm	31/12/2025

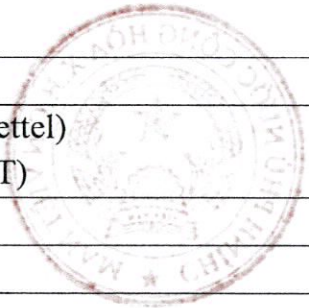
TT	Cơ sở dữ liệu	Bộ, ngành, cơ quan chủ trì	Nhiệm vụ cần thực hiện	Đề xuất cơ chế, chính sách	Thời hạn hoàn thành
			khai để tận dụng tối đa các CSDL sẵn có làm cơ sở triển khai CSDLQG về An sinh xã hội. b) Bộ Nội vụ trình thủ tướng phê duyệt lại đề án CSDLQG về an sinh xã hội để hoàn thiện cơ sở pháp lý triển khai thực hiện. c) Sớm thông qua Luật Việc làm để có cơ sở pháp lý về Hệ thống thông tin thị trường lao động Điều chỉnh hoặc xây dựng chủ trương đầu tư cho các Hệ thống quản lý và CSDL		



Phụ lục III
DANH SÁCH CÁC DOANH NGHIỆP ĐỒNG HÀNH VỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG, CÁC CƠ QUAN ĐẢNG, QUỐC HỘI, MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM, TÒA ÁN NHÂN DÂN, VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN HOÀN THIỆN CHIẾN LƯỢC DỮ LIỆU, CHIẾN LƯỢC CHUYỂN ĐỔI SỐ

(Kèm theo Nghị quyết số 214 /NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025)

TT	Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức	Doanh nghiệp đồng hành
1	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	I. Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) II. Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel)
2	Bộ Tài chính	I. Công ty Cổ phần FPT II. Công ty TNHH một thành viên Ứng dụng Kỹ thuật và Sản xuất (Tecapro) III. Tập đoàn Công nghệ CMC
3	Bộ Giáo dục và Đào tạo	I. Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel) II. Tập đoàn Công nghệ CMC III. Công ty TNHH một thành viên Ứng dụng Kỹ thuật và Sản xuất (Tecapro)
4	Bộ Tư pháp	I. Công ty Cổ phần FPT II. Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel)
5	Bộ Y tế	I. Công ty Cổ phần FPT II. Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel) III. Công ty TNHH một thành viên Ứng dụng Kỹ thuật và Sản xuất (Tecapro) IV. Tổng Công ty Viễn thông MobiFone V. Tổng công ty Công nghệ - Viễn thông Toàn cầu (GTEL)
6	Bộ Nội vụ	I. Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) II. Công ty TNHH một thành viên Ứng dụng Kỹ thuật và Sản xuất (Tecapro)
7	Bộ Khoa học và Công nghệ	I. Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC II. Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel)



TT	Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức	Doanh nghiệp đồng hành
8	Bộ Xây dựng	I. Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel) II. Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)
9	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Tổng Công ty Viễn thông MobiFone
10	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Công ty Cổ phần FPT
11	Bộ Công Thương	I. Tổng Công ty Viễn thông MobiFone II. Tổng công ty Công nghệ - Viễn thông Toàn cầu (GTEL)
12	Bộ Ngoại giao	I. Công ty Cổ phần FPT II. Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel)
13	Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Công ty Cổ phần FPT
14	Văn phòng Chính phủ	I. Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) II. Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel)
15	Thanh tra Chính phủ	I. Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) II. Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel) III. Công ty TNHH một thành viên Ứng dụng Kỹ thuật và Sản xuất (Tecapro) IV. Tập đoàn Công nghệ CMC
16	Văn phòng Quốc hội	Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel)
17	Văn phòng Trung ương Đảng	I. Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel) II. Công ty TNHH một thành viên Ứng dụng Kỹ thuật và Sản xuất (Tecapro)
18	Văn phòng Chủ tịch nước	Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel)
19	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	I. Công ty Cổ phần FPT II. Tập đoàn Công nghệ CMC III. Tổng công ty Công nghệ - Viễn thông Toàn cầu (GTEL)
20	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Tổng công ty Công nghệ - Viễn thông Toàn cầu (GTEL)
21	Tòa án nhân dân tối cao	I. Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel) II. Tổng công ty Công nghệ - Viễn thông Toàn cầu (GTEL) III. Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) IV. Công ty Cổ phần FPT

TT	Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức	Doanh nghiệp đồng hành
22	Kiểm toán nhà nước	I. Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) II. Công ty TNHH một thành viên Ứng dụng Kỹ thuật và Sản xuất (Tecapro)
23	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	I. Công ty Cổ phần Tập đoàn MK II. Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel) III. Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) IV. Công ty Cổ phần FPT V. Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC